

Bản án số: 08/2021/KDTM-ST

Ngày 31-8-2021

V/v tranh chấp về Hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phin;

Ông Trần Ngọc Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2020/TLST-KDTM ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc: Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-KDTM ngày 29-6-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐST-KDTM ngày 21-7-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐST-KDTM ngày 18-8-2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty VP, địa chỉ trụ sở: Số A, phường B, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông C - Chuyên viên pháp chế doanh nghiệp - Tổng Công ty VP; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số: 88/2020/UQ-TGD, ngày 10-11-2020 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty VP); vắng mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần HH; địa chỉ trụ sở: Số D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà G - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần HH; là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Giấy ủy quyền số: 1.4.21/UQ, ngày 01-4-2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần HH); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10-11-2020, bản tự khai đề ngày 28-12-2020, biên bản hòa giải ngày 08-4-2021 và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 16-8-2021, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16-6-2015 nguyên đơn (Tổng Công ty VP) và bị đơn (Công ty Cổ phần HH) ký kết Hợp đồng mua bán phân bón số 01/HĐ2015/KD2-HH với các nội dung cơ bản: Nguyên đơn bán cho bị đơn 179,319 tấn phân DAP TQ với 8.500.000 đồng/tấn; địa điểm giao nhận hàng: Tại kho Công ty Bắc Hải, thành phố Hải Phòng; thời gian giao hàng: Ngay sau khi ký hợp đồng; tổng giá trị hợp đồng là 1.524.211.500 đồng; bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 10% giá trị hợp đồng trước ngày 17-6-2015, số tiền còn lại chậm trả 06 tháng, quá thời hạn trên thì bị đơn phải chịu lãi suất theo lãi suất ngân hàng.

Sau khi ký kết hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng cam kết giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ cho bị đơn. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 153.000.000 đồng (tương đương với 10% giá trị hợp đồng). Số tiền còn lại là 1.371.211.500 đồng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán.

Do tình hình dịch bệnh covid 19 diễn biến phức tạp, toàn thành phố Hà Nội đang thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 23-7-2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện giãn cách xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội để phòng chống dịch bệnh nên nguyên đơn có đơn đề nghị xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên tất cả mọi ý kiến và yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết; cụ thể:

1. Buộc bị đơn (Công ty Cổ phần HH) phải thanh toán cho nguyên đơn (Tổng Công ty VP) khoản tiền chậm thanh toán theo Hợp đồng mua bán phân bón số 01/HĐ2015/KD2-HH ngày 16-6-2015 được ký kết giữa Tổng Công ty VP và Công ty Cổ phần HH với tổng số tiền là: 1.969.360.254 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 1.371.211.500 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 31-10-2020 là 598.148.754 đồng.

2. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01-11-2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc và lãi cho nguyên đơn.

Đối với bị đơn: Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 29-12-2020, biên bản hòa giải ngày 08-4-2021, người đại diện hợp pháp của bị đơn (bà G) trình bày: Bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn khoản tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng mua bán phân bón số 01/HĐ2015/KD2-HH ngày 16-6-2015 được ký kết giữa Tổng Công ty VP và Công ty Cổ phần HH với tổng số tiền là: 1.969.360.254 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 1.371.211.500 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 31-10-2020 là 598.148.754 đồng.

Sau khi tiến hành hòa giải vào ngày 08-4-2021, tại đơn đề nghị đề ngày 14-4-2021 bị đơn thay đổi ý kiến đã thỏa thuận được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành, cụ thể: Bị đơn xác nhận và chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.371.211.500 đồng và không chấp nhận thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 31-10-2020 là 598.148.754 đồng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ của Tòa án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Sự tuân thủ chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 24, 50, 55 và 306 Luật Thương mại 2005; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng hóa còn thiếu chưa thanh toán là: 2.075.328.605 đồng; trong đó tiền nợ mua hàng hóa là: 1.371.211.500 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến hết ngày 31-8-2021 là: 704.117.105 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do thực hiện giãn cách xã hội tại Hà Nội do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19. Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn (Tổng Công ty VP) khởi kiện đối với bị đơn (Công ty Cổ phần HH có địa chỉ trụ sở tại quận F) tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa. Các bên tham gia ký kết Hợp đồng đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích để kinh doanh, dịch vụ để hưởng lợi nhuận. Do đó cần xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại. Vì vậy, theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và áp dụng pháp luật để giải quyết: Nguyên đơn (Tổng Công ty VP) khởi kiện đối với bị đơn (Công ty Cổ phần HH)

tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán hàng hóa được các bên ký kết vào ngày 16-6-2015. Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng nên tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hóa và cần áp dụng quy định của Luật kinh doanh thương mại để giải quyết.

[4] Về hiệu lực của hợp đồng các bên đã giao kết: Hợp đồng được lập bằng văn bản, các bên thỏa thuận với nhau về việc mua bán hàng hóa, trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi bên, giá cả và hình thức thanh toán, thời hạn thanh toán. Nội dung thỏa thuận và giao kết không trái với quy định của pháp luật nên hợp đồng được xác lập giữa các bên phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật thương mại, do vậy hợp đồng mua bán hàng hóa được các bên xác lập có hiệu lực pháp luật.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết Hợp đồng mua bán phân bón số: 01/HĐ/KD2-HH ngày 16-6-2015. Theo nội dung hợp đồng thì nguyên đơn có trách nhiệm cung cấp hàng hóa là 179.319 tấn phân DAP TQ cho bị đơn. Hai bên thỏa thuận về thời hạn thanh toán: Bên B thanh toán cho bên A 10% giá trị hợp đồng trước ngày 17-6-2015 số tiền còn lại chậm trả 6 tháng, quá thời hạn trên chịu lãi suất theo lãi suất ngân hàng.

[6] Thực hiện hợp đồng, ngày 19-6-2015 nguyên đơn đã cung cấp đủ 179.319 tấn phân DAP TQ cho bị đơn theo hợp đồng đã ký kết và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 153.000.000 đồng (tương đương 10% giá trị hợp đồng). Số tiền còn lại bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.371.211.500 đồng nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn.

[7] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền chậm thanh toán do mua bán hàng hóa là: 1.371.211.500 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 17-12-2015 đến thời điểm xét xử (ngày 31-8-2021) với mức lãi suất 9%/năm tính trên tổng số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

[8] Tại biên bản hòa giải thành ngày 08-4-2021 người đại diện hợp pháp của bị đơn xác nhận và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ do mua 179.319 tấn phân DAP TQ với số tiền chưa thanh toán là 1.371.211.500 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 31-10-2020 là 598.148.754 đồng; tổng cộng là: 1.969.360.254 đồng. Tuy nhiên tại đơn đề nghị đề ngày 14-4-2021 bị đơn thay đổi ý kiến thỏa thuận chỉ chấp nhận trả số tiền nợ gốc và không chấp nhận trả tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán như nguyên đơn yêu cầu vì hiện tại bị đơn đang gặp rất nhiều khó khăn nên không thể trả được tiền lãi cho nguyên đơn.

[9] Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ mua hàng của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ vì số tiền nợ gốc đều đã được các bên đương sự xác nhận, đúng với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng mua bán đã ký kết và phù hợp với quy định tại Điều 50 và Điều 55 Luật thương mại.

[10] Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 17-12-2015 đến hết ngày 31-8-2021 của nguyên đơn đối với bị đơn với mức lãi suất là 9 %/năm là phù hợp thỏa thuận trong hợp đồng đã được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn, thấp hơn với mức lãi suất ngân hàng vào các thời điểm tính lãi tại thời điểm xét xử và phù hợp với

Điều 306 của Luật thương mại nên yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ và cần được chấp nhận. Cụ thể, số tiền lãi mà bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn như sau: $1.371.211.500 \text{ đồng} \times 9 \% / \text{năm} \times 05 \text{ năm}, 08 \text{ tháng}, 14 \text{ ngày} = 704.117.105 \text{ đồng}$.

[11] Như vậy tổng số tiền cả gốc và lãi phát sinh tính từ ngày 17-12-2015 đến ngày xét xử (31-8-2021) bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán, trả cho nguyên đơn là: $1.371.211.500 \text{ đồng} + 704.117.105 \text{ đồng} = 2.075.328.605 \text{ đồng}$.

[12] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[13] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền 35.540.403 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai ký hiệu AA/2016, số 0010151 ngày 12-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

[14] Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 24, 50, 55 và 306 Luật Thương mại 2005; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Tổng Công ty VP) đối với bị đơn (Công ty Cổ phần HH).

Buộc bị đơn (Công ty Cổ phần HH) phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn (Tổng Công ty VP) số tiền mua hàng hóa còn thiếu chưa thanh toán là: 2.075.328.605 đồng (*Hai tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm hai tám nghìn sáu trăm linh năm đồng*); trong đó tiền nợ mua hàng hóa là: 1.371.211.500 đồng (*Một tỷ ba trăm bảy mươi triệu hai tám mươi một nghìn năm trăm đồng*) và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến hết ngày 31-8-2021 là: 704.117.105 đồng (*Bảy trăm linh bốn triệu một trăm mười bảy nghìn một trăm linh năm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là: 73.506.572 đồng (*Bảy mươi ba triệu năm trăm linh sáu nghìn năm trăm bảy hai đồng*).

Trả lại nguyên đơn số tiền 35.540.403 đồng (*Ba mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi nghìn bốn trăm linh ba đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai ký hiệu AA/2016, số 0010151 ngày 12-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tp Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tp Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Kiên